

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 10/12/2020*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 39**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Xin xem phần kệ tụng tiếp theo:

**Bế tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn, vị chúng khai pháp  
tạng, quảng thí công đức bảo.**

*Đóng bít các đường ác, mở toang cửa cõi lành, khai tạng pháp cho chúng  
sinh, rộng thí báu công đức.*

Phần kệ tụng này nêu ra căn nguyên của đại nguyện. Kinh Tỳ-lô-giá-na nói: “Đại bi làm gốc”. Thệ nguyện thù thắng, vô biên diệu hạnh trong hai đoạn vô lượng quang thọ phía trước, xuất phát điểm của nó, tổng thể của nó, chỗ quy túc của nó chỉ là một câu: Vì vô lượng hết thảy chúng sinh đều được lợi ích chân thật triệt để rốt ráo. Nói đơn giản một chút thì đó chính là lợi tha, đây chính là gốc.

*“Bế tắc chư ác đạo”*

Muốn đóng bít tất cả con đường dẫn đến ác đạo, khiến chúng không thông, khiến hết thảy chúng sinh không còn đi vào ác đạo nữa. “Chư ác đạo”, xin chú ý từ “chư”, nghĩa là rất nhiều, hết thảy, tất cả. Ác đạo có một số cách giải thích như sau, xin cúng dường các đồng tu tham khảo.

Thứ nhất, kinh Địa Trì nói rằng: “Theo ác hạnh mà đi thì gọi là ác đạo”. Hoàng Niệm Lão giải thích rằng: Con đường do ác hạnh dẫn lối thì gọi là ác đạo. Ác đạo có ba đường, trong kinh của chúng ta thường gọi là địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo.

Thứ hai, lục đạo đều là ác đạo, bởi vì lục đạo đều là ở trong luân hồi, đều không triệt để lìa khỏi quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, cho nên đều là ác

đạo. Kinh Vô Lượng Thọ, bản dịch thời Ngụy nói rằng: “Cắt ngang năm đường ác”. Năm đường ác là đem cõi tu-la phân tán vào các cõi còn lại, bởi vì a-tu-la có rất nhiều trường hợp, có a-tu-la trong cõi trời, cõi người, cõi quỷ, cõi súc sanh. Vì vậy “bế tắc chư ác đạo” là chỉ đường lục đạo đều không thông nữa.

*“Thông đạt thiện thú môn”*

“Thông đạt” nghĩa là thông suốt không trở ngại, không có bất kỳ chướng ngại nào. “Môn” có hai nghĩa, một là khác biệt, hai là tiến vào. Quyển thứ nhất của Đại Thừa Nghĩa Chương nói rằng: “Thể loại không như nhau nên gọi là môn”, chúng ta hay nói là phân chia thành từng loại khác nhau, ví dụ: bộ môn, môn loại. “Lại có thể thông vào, tiến vào thì gọi là môn”, ở chỗ này mở cửa ra thì người ta có thể ra vào. Niệm Lão giải thích cho chúng ta: “Pháp có nhiều loại khác biệt tức là có nhiều môn, đều có thể khiến người tiến vào Niết-bàn”. 84.000 pháp môn, pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Vì sao vậy? Mỗi pháp môn đều có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, đều có thể giúp chúng ta chứng nhập đại Niết-bàn, “thế nên gọi các pháp trong kinh là môn”. Chúng ta y theo phương pháp trong kinh tu hành thì có thể lìa khổ được vui, có thể siêu thoát luân hồi, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây đều là nghĩa của chữ “môn”. Quyển ba Tứ Giáo Nghĩa nói rằng: “Môn nghĩa là thông suốt, bốn cú pháp chân chánh<sup>1</sup> trong giáo pháp của đức Phật khiến cho hành nhân thông đạt đến lý thật tướng chân tánh”, nên gọi là môn. Đây chính là nghĩa trong kinh này.

Thiện thú có những cách giải thích như sau, xin cúng dường các đồng tu tham khảo:

*Thứ nhất*, thiện thú thông thường chỉ cho ba đường thiện trong sáu đường, đây là cách nói thông thường. “Thiện thú” chính là đường thiện, ba đường thiện chính là cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la. “Nhưng điều này lại trái với nghĩa trong kinh này”, không giống với nghĩa của đoạn kinh văn này của chúng ta, xin chú ý đoạn tiếp theo.

“Phần trên đã gọi lục thú đều là ác thú (đường ác), nên cõi người và cõi trời không thể gọi là thiện thú được. Nên biết “thiện thú môn” không phải là lối dẫn hướng vào nẻo trời và người, mà là nơi bậc thượng thiện hướng đến, nên gọi là thiện

---

<sup>1</sup> Bốn cú pháp chân chánh: khổ, không, vô thường, vô ngã; hoặc là thường, lạc, ngã, tịnh.

thú môn. Như sách Hội Sớ nói: Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện, nên gọi là thiện thú môn”.

Ý nghĩa của đoạn này là: Người học Phật chúng ta, mục tiêu, phương hướng chính là cầu Bồ-đề; Bồ-đề chính là giác, giác ngộ vô cùng quý báu, vô cùng khó được. Bậc thượng thượng căn, đời này ở thế gian cầu điều gì? Cầu Bồ-đề, họ không cầu thứ khác. Bồ-đề chính là chữ giác trong “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của đề kinh. Bồ-đề từ đâu mà có? Từ bình đẳng mà có. Bình đẳng từ đâu mà có? Từ thanh tịnh mà có. Thanh tịnh từ đâu mà có? Từ buông xuống mà có. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không chỉ buông xuống như thế, mà còn phải buông xuống hết thảy phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm thì Bồ-đề mà tự tánh vốn có tự nhiên sẽ hiện tiền.

*Thứ hai*, nhập vào pháp môn Bồ-đề diệu giác mới là “thiện thú môn”. Hội Sớ nói: “Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện”. Trong Phật pháp duy chỉ có Đại thừa; Thanh văn, Duyên giác không có phần, Quyền giáo Bồ-tát cũng không vào được. Thanh văn là A-la-hán, Duyên giác là Bích-chi Phật, họ chỉ đoạn kiến tư phiền não; Bích-chi Phật không chỉ đoạn kiến tư phiền não, mà ngay cả tập khí của kiến tư phiền não cũng đoạn luôn, nên họ cao hơn A-la-hán, nhưng chưa phát tâm Bồ-đề. Quyền giáo Bồ-tát cũng chưa phát tâm Bồ-đề, không thể tiến vào cửa Chân Thật được, họ cao hơn A-la-hán, A-la-hán đoạn kiến tư phiền não, Quyền giáo Bồ-tát đoạn phân biệt, cũng chính là định mà họ tu là bình đẳng. Trong kinh nói là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”: A-la-hán là thanh tịnh, Quyền giáo Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm Bồ-đề thì giác rồi, thì minh tâm kiến tánh thành Phật rồi. Chưa phát tâm Bồ-đề, họ vẫn còn ở địa vị Bồ-tát, địa vị Tam hiền của Biệt giáo; thật sự phát tâm Bồ-đề thì họ sẽ đăng địa. Ở địa vị Thập tín của Viên giáo phát tâm Bồ-đề thì họ sẽ đăng Sơ trụ, Sơ trụ thì minh tâm kiến tánh, đây là Đại thừa Viên giáo. Cho nên Bồ-đề là chỗ đến của bậc thượng thiện, đây gọi là “thiện thú môn”. Chúng ta phải hiểu rõ, phải phát tâm Bồ-đề.

*Thứ ba*, “thông đạt thiện thú môn”, “thiện thú” ở đây chỉ cho tại các đạo tràng thù thắng như ở thế giới Cực Lạc hoặc cõi nước Phật khác, nội viện Đâu Suất v.v... lên địa vị Bồ-tát, thành Phật, làm Tổ. Môn này duy chỉ có bậc thượng thiện đã phát tâm Bồ-đề mới có thể tiến vào, mở toang được cửa này, nên nói là “thông đạt thiện thú môn”. Làm thế nào để mở toang cửa? Duy chỉ có pháp môn Tịnh độ thành

tự cõi nước thanh tịnh, nhiếp trọn quần sanh mà thôi. Pháp môn Tịnh độ là thiện thú môn đệ nhất trong “thiện thú”, vì sao vậy? Bất luận là người nào đều có thể vào, chỉ cần có đủ tín, nguyện, trì danh thì bạn vào được rồi. 84.000 pháp môn khác gọi là “thông đồ pháp môn”, nhất định phải thanh tịnh, bình đẳng, giác thì mới có thể đi vào. Pháp môn Tịnh độ, đối nghiệp vãng sanh, đến được thế giới Cực Lạc, được sự gia trì của 48 nguyện của A-di-đà Phật, tập khí của chúng ta không cần chính mình đoạn mà tự nhiên không còn nữa, việc này không thể nghĩ bàn, là pháp khó tin.

*“Vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo”*

Hai câu này không thể nghĩ bàn, Phật muốn tiêu trừ phiền não cho tất cả chúng sanh, đóng bít các đường vào sáu cõi ác đạo, mở ra cánh cửa vào cõi lành, vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhất định thành Phật. Vậy trước tiên phải khai thị diệu pháp cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật, nên phải “khai tạng pháp cho chúng sanh”.

“Vị chúng khai pháp tạng”, “theo trên mà nói”, phần trên nói, đóng bít các ác đạo, khiến đều ra khỏi biển sanh tử, mở toang các cửa vào cõi lành, làm cho hết thấy hàm linh đều đến được bờ Niết-bàn. Vì để thực hiện lời nguyện này trước tiên cần phải khai Phật tri kiến, cũng chính là “dạy học làm đầu” mà chúng ta thường nói. Khai tạng pháp cho chúng sanh chính là dạy học, đây chính là thật sự “rộng thí báu công đức”. Mà trong hết thấy các tạng pháp, Tịnh độ là pháp môn mà hết thấy chúng sanh nương vào để được độ thoát, có thể ban cho chúng sanh lợi ích chân thật.

*“Quảng thí công đức bảo”*

“Quảng thí” là ban cho trọn khắp hết thấy chúng sanh. “Làm lợi ích khắp cho tất cả chúng sanh, nên gọi là quảng thí. Vật dùng để thí chính là báu công đức”. Công đức nói theo cách thông thường là đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức. Lợi ích người khác là công, quy về chính mình là đức; đoạn sạch toàn bộ ác là công, thiện đều viên mãn đầy đủ là đức.

“Bảo” có ba ý nghĩa.

Một là mỹ hiệu để tôn xưng, ví dụ niệm Phật tam-muội được gọi là bảo vương tam-muội, ấn khế của Phật Bồ-tát được gọi là bảo ấn.

Hai là dịch sát nghĩa của từ “Ma-ni”, như ý chính là như ý bảo châu, có thể thỏa mãn nguyện của chúng sanh. Bởi vì chuỗi Ma-ni có đủ loại màu sắc, tùy theo tâm nguyện của người niệm chuỗi Ma-ni mà hiện ra màu sắc họ muốn thấy.

Ba là pháp bảo chân thật. Trí Độ Luận nói: “Trong các pháp, pháp bảo là báu chân thật, đời này đời sau, cho đến vào Niết-bàn đều có thể làm lợi ích”. Người đắc pháp từ nay cho đến khi vào Niết-bàn đều từ trong đây mà được lợi ích, nên gọi là báu chân thật. “Thí công đức bảo” trong kinh này nói, “bảo” ở đây có ba ý nghĩa như sau: mỹ hiệu để tôn xưng, có thể thỏa mãn nguyện của chúng sanh và pháp bảo chân thật.

Trong kinh Quán Phật Tam-muội có câu chuyện như sau:

Có một ông Vua ra ngoài du ngoạn, mang theo một cái bình báu, bên trong có ấn báu của Vua. Một người nọ dùng thuật lừa đảo trộm mất cái bình báu, mọi người truy lùng người đó. Rất nhiều rắn độc cũng từ bốn phương tám hướng đến cắn kẻ lấy trộm bình báu. Người ấy trèo lên một cây lớn, có 6 con voi đen dùng mũi quật ngã cây to, người ấy từ trên cây té xuống đất chết. Thế nhưng ngay lúc then chốt ấy, người ấy đã nuốt mất bình báu và ấn báu, thân thể tan hoại rồi nhưng ấn báu trong bình phóng quang, những con rắn độc đều sợ hãi bỏ chạy. Phật nói với A-nan: “Người trụ trong niệm Phật, tâm ấn không hoại, cũng như thế ấy”.

Thế Tôn khai thị: “Người trụ vào niệm Phật, tâm ấn không hoại, cũng như thế vậy”, đây thật sự là tâm châu vô thượng của Như Lai, là báu cực quý trong một đời dạy dỗ, cũng chính là “công đức bảo” rất ráo chân thật. Thế nên pháp môn Tịnh độ được ngàn kinh vạn luận đều nói đến, mười phương chư Phật đều tán thán là bởi vì người trụ trong niệm Phật, tâm ấn không hoại. Hai từ “tâm ấn” có phân lượng thế nào? Thứ mà chư đại tổ sư, tổ tổ tương truyền chính là tâm ấn của Phật.

Năm xưa trên hội Linh Sơn, Thế Tôn cầm hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, Phật nói: “Niết-bàn diệu tâm, chánh pháp nhãn tạng của Ta giao phó cho Ma-ha Ca-diếp”. Ngài Ca-diếp truyền cho A-nan, cho đến tổ Đạt-ma, thứ được truyền chính là tâm. “Ấn” là chánh ấn của pháp vương, là tỉ dụ, không phải thật sự chỉ cho ấn tỉ của pháp vương, mà là nêu rõ tác dụng quan trọng của nó cũng giống như ấn chương vậy. Trong Phật giáo, thứ mà tổ tổ tương truyền là tâm, thứ mà các trưởng quan địa phương thời xưa giao tiếp là ấn, tiếp ấn rồi tức là đã tiếp nhận toàn bộ quyền lực, nắm

lấy toàn bộ quyền lực thì dựa vào ấn này. Dùng thứ này để tỉ dụ cho tâm mà Phật Phật tương truyền, tổ tổ truyền cho nhau.

Tâm chính là ấn của Phật, ấn biểu thị cho tâm của Phật, tâm ấn hợp lại với nhau, ý nghĩa càng sâu sắc, rõ ràng hơn. Thế nên chư Phật, chư Tổ, tâm tâm tương truyền, tâm tâm tương ấn, cho nên nói rằng “Phật Phật đạo đồng”. Đây là căn bản của căn bản.

Một phàm nhân trụ nơi niệm Phật sẽ có tâm ấn của Phật, đồng thời tâm lại phóng quang; giống như phía trước nói người trộm bình báu bị ngã chết rồi, thân thể vẫn phóng quang, do vì có ấn báu. Cho nên đây là con mắt của một đại tạng giáo. Khi bạn trì danh niệm Phật chính là lúc tâm ấn của bạn phóng quang, thế nên nói “một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng”, người trụ vào niệm Phật chính là tâm ấn không hoại, chính là thường chiếu, chính là phóng quang, vậy lúc bạn niệm Phật thì tất nhiên tâm quang hiển hiện.

Kinh Đại Tập nói: Nếu người nào chỉ niệm A-di-đà, thì đó chính là vô thượng thâm diệu thiên. Là thiên, không những là thiên mà là thiên thâm diệu nhất, không những là thiên thâm diệu mà là vô thượng thâm diệu thiên. Khai thị của Như Lai về “người trụ trong niệm Phật, tâm ấn bất hoại” chính là ấn mà chư Phật dùng tâm ấn tâm, là tâm mà chư Tổ dùng tâm truyền tâm. Nếu có thể tin nhận thì chính là đã khai trí tuệ nhãn cho chúng ta, nhất định được thân quang minh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Như Phật vô ngại trí, sở hành từ mãn hạnh, thường tác thiên nhân sư, đắc vi Tam giới hùng, thuyết pháp sư tử hống, quảng độ chư hữu tình, viên mãn tích sở nguyện, nhất thiết giai thành Phật.**

*Được trí vô ngại như Phật, hành các hạnh từ mãn, thường làm thầy của trời, người; anh hùng trong Tam giới, thuyết pháp sư tử hống, rộng độ các hữu tình, viên mãn lời nguyện xưa, hết thảy đều thành Phật.*

Mỗi bài kệ tụng trong đoạn trên đều đề cao và đi sâu vào phần tổng kết đại thế nguyện hải, 48 nguyện của đức Di-đà. Còn bài kệ 8 câu này, trong phần kinh văn lời nguyện không có nhắc đến, đây cũng là thường lệ của kinh Phật, trong phần kệ

tụng bổ sung thêm nội dung mà phần trường hàng không có. Nội dung của bài kệ tụng này xác thật có hàm nghĩa vô cùng quan trọng.

Đại ý của đoạn kệ tụng này là: Tôi nguyện có được Phật trí tự tại vô ngại giống như Phật, và sở hạnh giống như Phật, là hạnh đại từ đại bi, phổ biến làm lợi ích cho chúng sanh, nguyện được giống như Phật, thường làm đạo sư của trời người để giáo hóa hữu tình, trở thành bậc đại anh hùng không hề khiếp sợ trong Tam giới. Tôi nguyện tất cả đại nguyện đã phát trong quá khứ đều được viên mãn, đó chính là “hết thảy đều thành Phật”.

Tám câu kệ tụng này, đặc biệt là sáu câu đầu, Pháp Tạng đại sĩ nguyện thành tựu vô lượng thọ, vô lượng quang, khai mở trí tuệ nhãn, đồng thời đều được thân quang minh, nỗ lực cầu tự giác không ngừng tăng trưởng, đồng với Như Lai. Do vì toàn bộ thệ nguyện đều là giác tha, nếu muốn người khác giác ngộ, trước tiên chính mình cần phải giác ngộ. Bản thân vẫn còn ở trong vô minh phân biệt, toàn thể đều là mê thì sao có thể khởi phát dẫn dắt mọi người cầu giác ngộ được. Kết quả chỉ có thể là một người mù dẫn dắt người mù cùng tiến vào hầm lửa.

Vào thời Mạt pháp hiện nay, lỗi lầm này đặc biệt hiện rõ, bất luận tại gia xuất gia luôn thích làm thầy người khác, hoặc tự phong các mỹ hiệu như Phật sống, Pháp vương v.v... đặng đàn buôn bán pháp, hoặc dùng lời hay ho tự khen mình, vọng đàm những điều tương tự Bát-nhã. Người bậc cao trong việc hoằng pháp khó tránh khỏi việc phun nọc độc, nói là trị bệnh, [nhưng] trên thực tế là lang băm giết người. Kẻ kém cỏi ắt sẽ hủy hoại, làm bại hoại giáo pháp, trộm danh lừa đời, đoạn huệ mạng người, làm ác đa đoan. Thế nên, tín đồ Phật giáo thật sự đối với những việc này cần phải hết sức cảnh giác.

Pháp Tạng đại sĩ vì để chân thật quán triệt đại nguyện của mình nên buộc không thể hài lòng với những gì mình đã đạt được, tiếp tục leo thang lên đỉnh núi Diệu Cao, chứng nhập rốt ráo Vô thượng Bồ-đề. Theo lời của hai vị đại sư là Thiện Đạo và Đàm Loan, Pháp Tạng đại sĩ lúc ấy đã là Thập địa Bồ-tát, thế nhưng đại nguyện vô tận, thệ cầu sự giác ngộ vô thượng bi trí tròn đầy của Như Lai, cầu đạt được trí tuệ vô ngại và hạnh từ mẫn của Phật.

“*Như Phật vô ngại trí*” là mong cầu bản thân có trí tuệ ngang bằng với Như Lai. Trí tuệ vô ngại, đối với pháp bất nhị về sanh tử, Niết-bàn v.v... đều thông đạt tự tại, dung thông tự tại, không có chướng ngại.

Kinh Đại Tập nói: “Trí tuệ vô ngại không có bờ mé (không có cùng tận, không có biên giới), khéo hiểu về ba nghiệp của chúng sanh” (tất cả những việc đã tạo từ ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sanh, Như Lai đều thông suốt, biết cách giải trừ).

Thế Tôn lại nói: “Ta là pháp vương, tự tại với các pháp”. Trí tuệ vô ngại thông đạt tự tại, dung thông tự tại hết thảy pháp môn tự tại, đó chính là “tự tại với mọi pháp”. Thế nên trí tuệ vô ngại là trí tuệ của Như Lai, nên trong đại thế nguyện của Pháp Tạng đại sĩ có trí tuệ vô ngại giống như Phật.

“*Sở hành từ mãn hạnh*”, câu này là Pháp Tạng đại sĩ nguyện được đại từ đại bi giống như Phật, những điều mình làm đều là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi giống như Thế Tôn, đối xử với chúng sanh giống như con một. Hai câu nói này, câu trên là câu trí tuệ vô ngại, nguyện có trí tuệ giống như Phật; câu tiếp theo câu được sự từ bi giống như Phật. Hai câu này rất quan trọng, chính là bi trí song vận. Trí tuệ và từ bi giống như hai cánh chim, không thể thiếu một thứ.

“*Thường tác thiên nhân sư*”, thiên nhân sư là một trong mười hiệu của Phật. “*Đắc vi tam giới hùng*”, tam giới hùng cũng là một loại đức hiệu của Phật, bởi vì Phật đã đoạn hết tất cả phiền não, hùng mãnh vô úy, nên trở thành đại anh hùng trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Thế nên chánh điện cúng dường Thế Tôn ở chùa gọi là “đại hùng bảo điện”. Vì vậy hai câu này chính là nói mong muốn phước và trí đều như Phật, làm thầy của trời người, ban bố giáo hóa khắp cả, không hề sợ sệt, trở thành đại anh hùng của tam giới.

“*Thuyết pháp sư tử hống*”, sư tử chính là sư tử, xưa nói rằng khi sư tử gầm lên thì muôn loài sợ hãi, tỉ dụ cho pháp mà Thế Tôn thuyết ra được nói một cách dứt khoát không e sợ, có thể khiến mọi người chấn động, ngoại đạo run sợ.

“*Viên mãn tích sở nguyện*”, tích sở nguyện chính là 48 nguyện mà Pháp Tạng tỳ-kheo đã kết thành trong năm kiếp. Tất cả đại nguyện này tôi đều muốn viên mãn, viên mãn như thế nào? Hết thảy đều thành Phật. Tán nhuyễn câu nói này vào trong hư không, rải đều xuống đại địa, không những hết thảy hữu tình như ruồi, kiến đều thành Phật, mà chúng sanh trong địa ngục đều thành Phật, đồng thời vật vô tình như sơn hà đại địa, gạch, ngói, bàn ghế, quần áo, giày vớ cũng đều thành Phật. Cho nên câu này chính là bản thể của 48 nguyện, từ trong câu này lưu xuất ra 48 nguyện.



Vãng Sanh Luận có thể chú giải cho điều này rằng, thế giới Tây Phương Cực Lạc, cõi nước là trang nghiêm, đây là y báo, biểu thị cho vô tình; trang nghiêm của Phật, trang nghiêm của Bồ-tát, ba loại trang nghiêm này đều thấm vào trong nhất pháp cú, nhất pháp cú chính là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Thế nên tất cả đều là sự hiển lộ của trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, cũng chính là hết thảy đều là pháp thân Phật.

Thanh tịnh có hai loại, một là thanh tịnh của khí thể gian, hai là thanh tịnh của hữu tình (chúng sanh) thế gian. Thế gian hữu tình chúng sanh, khí thể gian vô tình chúng sanh thảy đều thanh tịnh, đều là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Vì vậy hữu tình, vô tình đều thành Phật đạo, chính thể là nhất chân pháp giới của Hoa Nghiêm. Nhất chân pháp giới là bản thể của đại pháp huyền diệu, không có đối đãi, nên gọi là “nhất”; chân thật lia vọng, nên gọi là “chân”; dung nhiếp vạn pháp nên gọi là pháp giới, tổng hợp lại gọi là “nhất chân pháp giới”. Trong pháp giới, mỗi một vi trần đều là nhất chân pháp giới, một chân thì hết thảy chân, một thành thì hết thảy thành, toàn bộ là không thể nghĩ bàn.

Tam Tạng Pháp Số lại nói: “Vô nhị gọi là nhất, chẳng vọng gọi là chân, toàn bộ thấu triệt, dung nhiếp lẫn nhau nên gọi là pháp giới, chính là pháp thân bình đẳng của chư Phật, từ xưa đến nay không sanh không diệt, chẳng không chẳng có, lia danh lia tướng, chẳng trong chẳng ngoài, duy nhất chân thật, không thể nghĩ bàn, đó gọi là nhất chân pháp giới”.

Có thể thấy nhất chân pháp giới là cảnh giới của pháp thân chư Phật, căn bản không có sanh diệt, không có các khác biệt giữa có không, danh tướng, trong ngoài. Có khác biệt thì không bình đẳng rồi, không phải là sự đại giác ngộ nhất loạt bình đẳng. Nước trong ao sen thất bảo ở thế giới Cực Lạc có thể nói đủ mọi loại pháp, thỏa mãn ý nguyện của chúng sanh, muốn nghe pháp nào thì nước sẽ nói pháp đó cho bạn, bao nhiêu người đều đang bơi lội, tắm gội, nhưng mỗi người đều có thể nghe được diệu pháp mà mình muốn nghe, hơn nữa nghe xong rồi lập tức có thể hiểu, xin hỏi đó là nước gì vậy? Nước chính là Phật, hết thảy đều thành Phật. Nước thành Phật rồi, nếu không phải Phật thì sao có trí tuệ như vậy được? Bạn muốn sâu nước sẽ sâu, bạn muốn nông nước sẽ nông, bạn muốn tắm gội nước sẽ từ trên đầu xối xuống, bạn muốn ấm nước sẽ ấm, bạn muốn mát nước sẽ mát, kỳ diệu nhất là có thể thỏa mãn tâm nguyện khác nhau của mỗi người, tuyên thuyết đủ loại diệu pháp

khác nhau. Đó là nước gì vậy? Gọi là nước Phật cũng được, gọi là Phật nước cũng được. Có thể thấy thế giới Cực Lạc không thứ nào mà không thành Phật. Không những thế giới Cực Lạc mà tất cả thế giới, không có thứ nào mà không thành Phật, cho nên câu “hết thấy đều thành Phật” có thể nói là con đường hướng thượng, câu nói sau cùng của Thiên tông, cũng có thể gọi là “đại viên mãn” trong Mật tông. Đại viên mãn là không gì chẳng viên mãn, mỗi mỗi đều viên mãn, mỗi thứ đều trọn đức, mỗi mỗi đều thành Phật, sự thù thắng của Mật tông cũng chính là ở chỗ này.

Phần “thủ Lăng-nghiêm” trong kinh Thủ Lăng-nghiêm ý nghĩa là: “hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố”. Tất cả sự việc, bất kỳ sự việc nào, không có một thứ nào chẳng phải là kiên cố rốt ráo, là kiên cố thường hằng, triệt để. Ở đây với “hết thấy đều thành Phật” là một câu, câu nói này viên mãn vạn đức, chẳng lập một pháp, có nói thêm nữa chỉ là vẽ rắn thêm chân mà thôi, đáng tiếc là đã thêm vào không ít rồi.

Mời xem bài kệ tụng tiếp theo:

**Tư nguyện nhược khắc quả, đại thiên ưng cảm động, hư không chư thiên thần, đương vũ trần diệu hoa.**

*Nguyện này nếu thành tựu, cả đại thiên cảm động, các thiên thần trên không, tuôn xuống hoa trần diệu.*

Đại ý của bài kệ tụng này là: đại nguyện mà tôi đã phát nếu có thể viên mãn thì hết thấy thánh linh trong tam thiên đại thiên thế giới đều sẽ bị cảm động, các vị thiên thần trên không tự nhiên hoan hỷ, thị hiện tướng lành, có thể từ trên trời tuôn xuống mưa hoa trần kỳ mỹ diệu.

*“Tư nguyện nhược khắc quả, đại thiên ưng cảm động”*

“Khắc” chính là thành, “quả” là đạt được mục đích, “khắc quả” nghĩa là thành tựu. Nguyện tôi đã phát nếu như thành tựu, cầu mong thiên thần, chư thiên thị hiện tướng lành, từ trên trời tuôn xuống hoa đẹp quý báu diệu kỳ để làm ân chứng. Mưa hoa chính là từ trên trời tuôn hoa xuống.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo A-nan, Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động, thiên vũ diệp hoa, dĩ tán kỳ thượng, tự nhiên âm nhạc không trung tán ngôn, quyết định tất thành Vô thượng Chánh giác.**

*Phật bảo A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài tụng này rồi, tức thời khắp mặt đất chấn động sáu cách, diệp hoa từ không trung tuôn xuống, rải trên thân ngài. Hư không tự nhiên vang lên âm nhạc và tán thán rằng: Nhất định thành Vô thượng Chánh giác.*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này là Thích-ca Mâu-ni Phật nói với A-nan: Pháp Tạng tỳ-kheo vừa nói xong kệ tụng, ngay lúc đó điềm lành xuất hiện, đại địa chấn động sáu cách. Chấn động này có những đặc điểm như sau:

*Một*, chấn động sáu cách, nghĩa là chỉ cho sáu phương, đây là chấn động khắp mặt đất, mỗi phương đều chấn động, không phải chỉ có một nơi nào đó bị chấn động, những nơi khác không chấn động.

*Hai*, loại chấn động này là tốt lành, hoàn toàn không giống như động đất gây tai nạn ở thế gian.

*Ba*, lúc chấn động, đất đều mềm mại, khiến chúng sanh hòa vui, ngay lúc chấn động, mọi người hòa vui hoan hỷ, không có sợ hãi, càng không có tai nạn.

*Bốn*, sự chấn động này có sáu loại tướng động là: động, khởi, dừng, chấn, hồng, giác. Động là dao động; khởi là hướng lên trên, đất sẽ trôi lên; dừng là chấn động, có một số nơi cao, một số nơi thấp; chấn là có âm thanh; hồng là âm thanh vang rền; giác là khiến mọi người đều cảm giác. Sáu loại chấn động bao gồm tướng động mỗi hình mỗi vẻ.

“*Thiên vũ diệp hoa*”, trời không phải tuôn mưa, mà là các loài hoa kỳ diệp giống như mưa bay phấp phới rơi xuống không trung của pháp hội. Không trung tự nhiên có âm nhạc, lại còn tán thán rằng nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh giác, chứng minh Pháp Tạng đại sĩ nhất định chắc chắn thành Phật. Bởi vì đại nguyện này, mỗi nguyện đều biểu hiện đại trí tuệ, đại từ bi, đại nguyện lực vô thượng, cũng chính là tâm đại từ bi vô thượng. Nhân không thể nghĩ bàn ắt sẽ kết quả không thể nghĩ bàn, cho nên nhất định thành Phật.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ kết hợp và sắp xếp trọng điểm của kinh văn phẩm thứ sáu “phát đại thệ nguyện” và kinh văn phẩm thứ bảy “nhất định thành Chánh giác”, để mọi người tham khảo.

*Thứ nhất*, quan hệ của hai phẩm kinh văn này là quan hệ nhân quả. Phẩm thứ sáu “phát đại thệ nguyện đệ lục” là nhân, phẩm thứ bảy “định thành Chánh giác” là quả.

*Hai*, nhận thức pháp môn Tịnh độ và 48 đại nguyện của A-di-đà Phật như thế nào? Kinh A-di-đà nói pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin trong hết thảy thế gian. Đại sư Huyền Trang lại đem chữ khó tin đặt lên đầu, thêm vào từ “cực”, đây chính là pháp cực kỳ khó tin. Rất nhiều người xem thường Tịnh độ tông, tuy mọi người đều biết A-di-đà Phật, biết niệm A-di-đà Phật, thế nhưng có thể hiểu được ý nghĩa thật sự của Tịnh độ tông thì chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ triệt để.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh đệ nhất của Tịnh độ, vô cùng quan trọng. Đại sư Thiện Đạo có hai câu khai thị cực kỳ quan trọng: “Đức Thích-ca sở dĩ xuất thế, chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”, đây là lời chân thật chân thành từ trong đại quang minh tạng lưu xuất ra. Vì sao Phật muốn xuất hiện ở thế gian, đến thế giới Ta-bà giảng sanh, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, chỉ là vì một việc này, duy chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà, chính là muốn nói biển lớn thệ nguyện vốn có của A-di-đà Phật.

Chư Phật Bồ-tát đều có đại nguyện, Thích-ca Mâu-ni Phật có 500 đại nguyện, Phật Dược Sư có 12 đại nguyện, Bồ-tát Phổ Hiền có 10 đại nguyện vương, nhưng chúng ta mỗi ngày tán thán “A-di-đà Phật đại nguyện vương”, bởi vì đại nguyện của A-di-đà Phật là vua trong tất cả đại nguyện. Đại nguyện của đức Di-đà là vua ở chỗ nào? Di-đà đại nguyện là vua ở chỗ “hết thảy đều thành Phật”, chỉ đơn giản 5 chữ này mà nặng đến mấy ngàn cân.

*Ba*, chỉ có 48 nguyện, bốn nguyện hải của đức Di-đà mới là điều duy nhất mà Thế Tôn muốn nói, là pháp chân thật duy nhất. Chúng ta từ góc độ của Thật giáo và Quyền giáo để nói rõ hơn một chút. Trước hết giải thích một chút về Quyền giáo và Thật giáo. Quyền giáo chỉ cho giáo chưa liễu nghĩa, khéo mượn phương tiện. Thật giáo là chỉ cho giáo liễu nghĩa chân thật rõ ráo. Kinh luận thông thường so với Hoa Nghiêm thì Hoa Nghiêm là Thật giáo, những thứ khác là Quyền giáo. Hoa Nghiêm

so với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là Thật giáo, Hoa Nghiêm là Quyền giáo. Kinh Vô Lượng Thọ so với 48 nguyện thì 48 nguyện là Thật giáo, còn lại là Quyền giáo. 48 nguyện so với 5 nguyện mà đại sư Thiện Đạo tuân theo thì 5 nguyện này là thật giáo, nguyện mười niệm ắt sanh so với bốn nguyện còn lại, chỉ có nguyện thứ 18 là pháp chân thật nhất, điều này có thể được chứng minh ở trong Di-đà Yếu Giải. Yếu Giải nói: “Một tiếng A-di-đà Phật là pháp mà Bồ Tát Thích-ca ở trong ngũ trược ác thế chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

*Bốn*, đại sư Thiện Đạo trong 48 nguyện chọn ra 5 nguyện gọi là 5 nguyện chân thật, 5 nguyện này là trọng tâm của 48 nguyện, cũng chính là trọng tâm chân thật của toàn thể Phật giáo. Năm nguyện này là: nguyện nhất định thành Chánh giác, nguyện quang minh vô lượng, nguyện thọ mạng vô lượng, nguyện chư Phật xung tán, nguyện mười niệm được sanh.

*Năm*, nguyện nhất định thành Chánh giác là nguyện chân thật nhất trong năm nguyện. Sự nguyện cầu trong nguyện văn này là phàm những người vãng sanh đến Cực Lạc, bất luận trong kiếp quá khứ có túc nghiệp sâu nặng cỡ nào đều nhất định thành Phật, chứng đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn là danh xưng của Phật quả, phiên dịch thành “viên tịch”. Hàm nghĩa của hai từ viên tịch rất sâu: nghĩa đầy khắp pháp giới, đức đầy đủ như trần sa là “viên”; dứt tuyệt hết vương mắc vào tướng, thể cùng tốt chân tánh là “tịch”. Nói đơn giản, mọi đức đều đầy đủ là viên, mọi chướng đều diệt tận là tịch.

Niết-bàn của Đại thừa không giống với Niết-bàn của Tiểu thừa. Ba đức của Đại thừa Niết-bàn là pháp thân đức, Bát-nhã đức, giải thoát đức viên mãn. Phật chứng Niết-bàn, ba đức đều viên mãn, A-la-hán chỉ có giải thoát đức, họ giải thoát rồi, không vào sanh tử nữa, tam giới không ngăn ngại họ được, nhưng họ không hiểu Bát-nhã, chưa chứng pháp thân. Niết-bàn của Đại thừa có đủ thường lạc ngã tịnh, A-la-hán chỉ có thường, lạc, tịnh, không nhận ra được chân ngã của chân tâm diệu minh.

Phẩm kinh văn này cổ vũ nhân tâm, tăng trưởng tín tâm, khiến càng nhiều chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc, bất thoái thành Phật. Nói về tăng trưởng tín tâm, tôi muốn nói một chút về cảm nhận của chính mình, xin chia sẻ với các đồng tu.

Tôi học Phật 20 năm, nói lời chân thật, tín tâm của tôi kiên định rồi, trước giờ chưa từng dao động. Thế nhưng đối với một số sự việc đã qua, nghĩ không hiểu được vì sao lại như vậy? Tôi không tìm được đáp án, sự dẫn dắt đó trong nội tâm cũng rất là đau khổ. Tôi cảm thấy tôi là người không tranh với người, chẳng cầu nơi đòi, vì sao vẫn bị người ta xét nét vậy? Tôi thọ trì bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ thì bị phê phán, tôi thân cận lão pháp sư Tịnh Không thì bị mắng, việc này là thế nào? Thánh địa Phật môn trong cảm nhận của tôi sao lại phức tạp và loạn như thế?

Tôi đã nhìn thấy, nghe thấy rất nhiều sự tranh đấu trong cửa Phật, không hiểu được, đặc biệt điều khiến tôi không hiểu đó là tôi vì sao lại bị cuốn vào trong đó, tôi đã hại ai đâu, tôi hoang mang không hiểu, tôi không muốn tham dự vào việc tranh đấu, tôi rất ghét tranh đấu. Bốn nguyên tắc của tôi chính là từ trong tình huống này mà lập nên: không tranh luận, không thảo luận, không biện luận, không giải thích, tất cả đều mặc kệ họ.

Ngẫu nhiên một lần có cơ hội tôi nhìn thấy một bài văn do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết, tôi mới biết trong cửa Phật vì sao có tranh đấu. Thích-ca Mâu-ni Phật sáng lập Phật giáo, đến nay đã hơn 3.000 năm lịch sử rồi, hơn ba ngàn năm, sự phát triển của Phật giáo trải qua 5 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là giải thoát kiên cố, việc này khi Phật tại thế, rất nhiều người đều giải thoát. Giai đoạn thứ hai là Thiền định kiên cố, sau khi Phật nhập Niết-bàn, giai đoạn ban đầu là Thiền định vững chắc, rất nhiều người đắc được Thiền định, có người Thiền định rất sâu. Thiền định vào thời đó so với Thiền định về sau sâu hơn rất nhiều, 500 năm sau người đắc Thiền định ít đi. Giai đoạn thứ ba là đa văn kiên cố, người thời này biết rất nhiều kinh điển, còn biết rất nhiều giáo lý, nghiên cứu lại rất sâu, đây là đa văn kiên cố. 500 năm sau đó, người đa văn ít đi. Giai đoạn thứ tư là chùa tháp kiên cố, khắp nơi đều có tháp có chùa, 500 năm sau chùa tháp kiên cố cũng qua thời rồi, hiện nay tuy vẫn còn có xây chùa nhưng sự kiên cố đã qua rồi. Giai đoạn thứ năm là đấu tranh kiên cố, thời kỳ Mạt pháp đấu tranh kiên cố, chính là nói đến thời đại cuộc sống hiện nay của chúng ta. Theo quy luật đã nói phía trước thì phải chẳng sẽ đấu tranh trong 500 năm? Chỉ mong ngắn hơn, ngắn hơn, ngắn hơn một chút nữa. Thế là tôi đã hiểu ra, sự tranh đấu hiện nay trong cửa Phật là hiện tượng bình thường ở thế giới Ta-bà, chẳng có gì ngạc nhiên kỳ lạ cả, chính mình không tham dự là được.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!